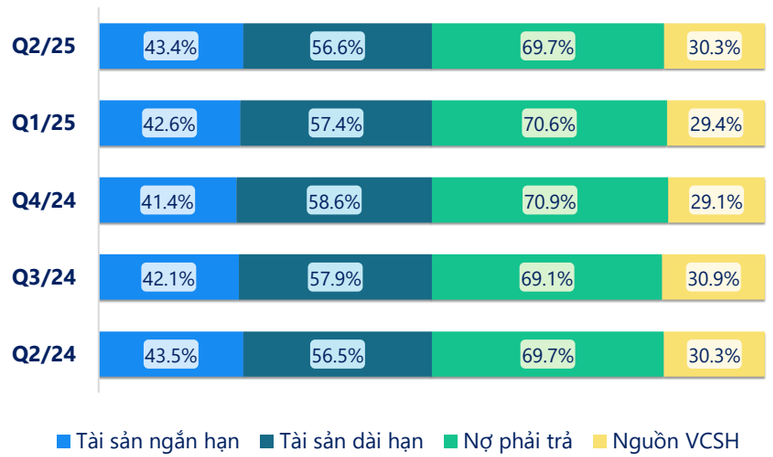
FireAnt

CTCP Thống Nhất (HNX: BAX)

Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	35,800
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	41,235
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	34,500
SL cổ phiếu LH	8,200,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	260
% sở hữu nước ngoài	16.9%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	294
P/E	9.8
EPS	3,654

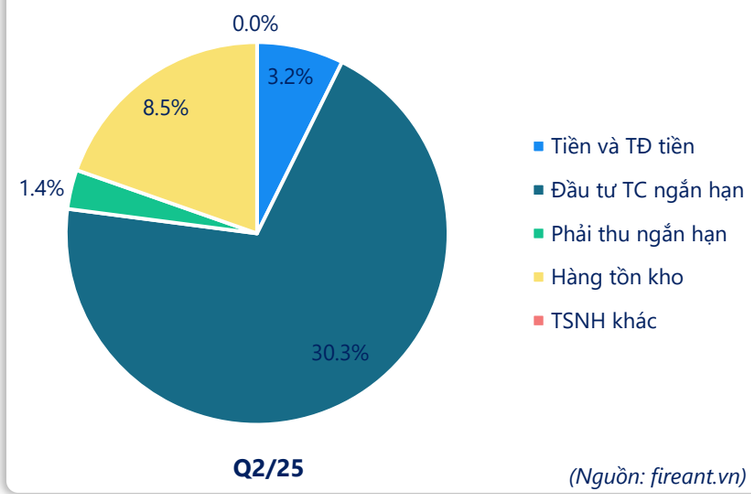
	YTD	1T	3T	6T
BAX	-11.5%	-4.3%	-7.2%	-9.3%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%

Cơ cấu Tổng tài sản



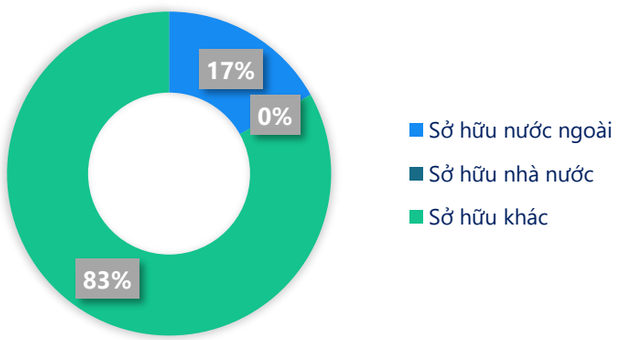
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



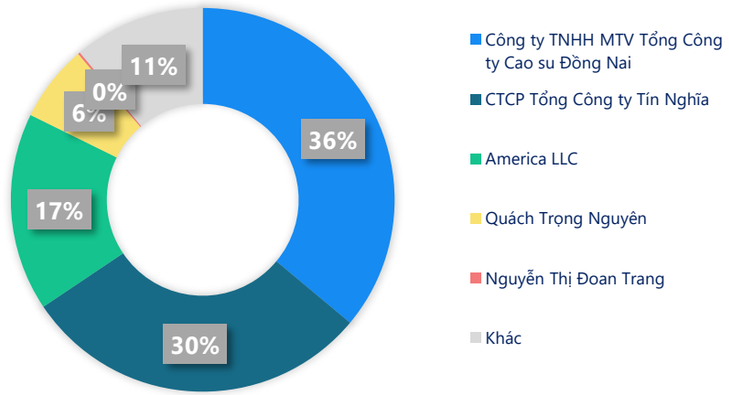
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



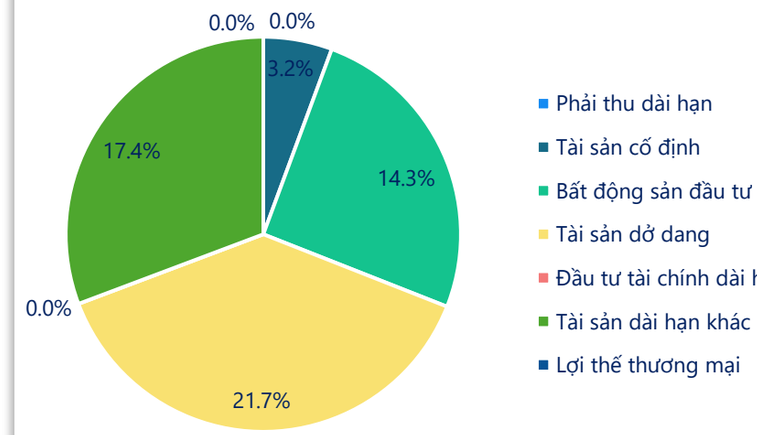
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

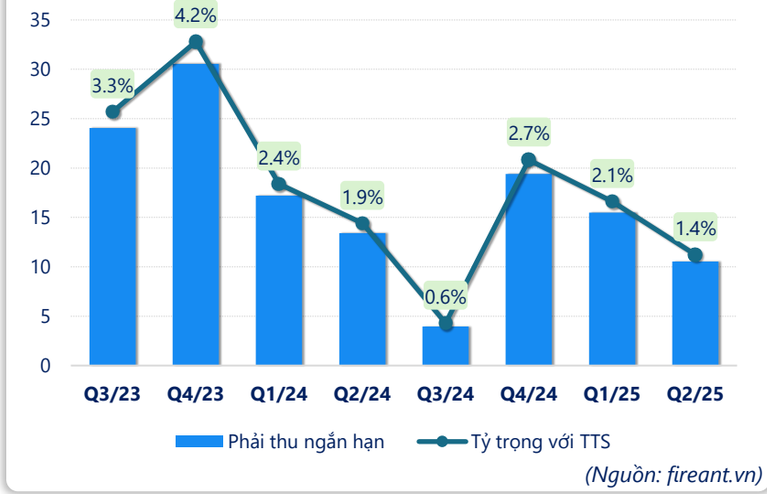
CTCP Thống Nhất (HNX: BAX)

Tiền và tương đương tiền



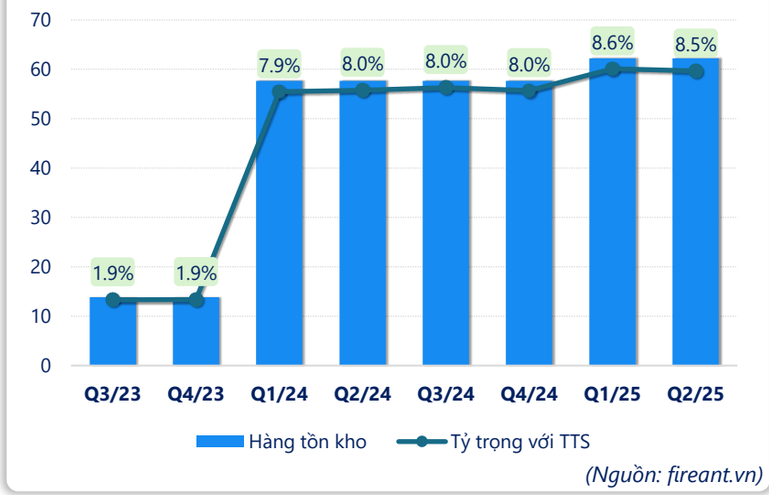
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



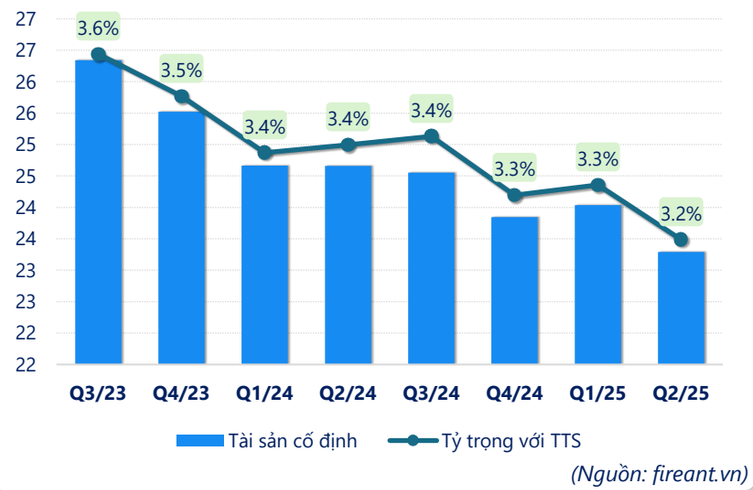
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



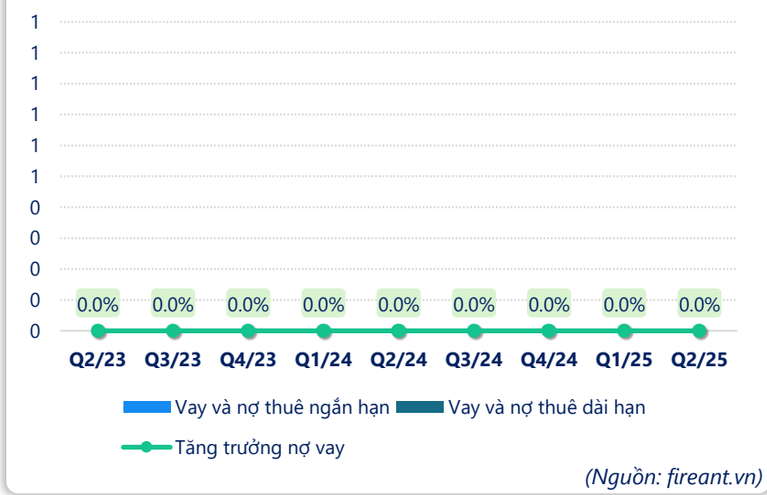
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



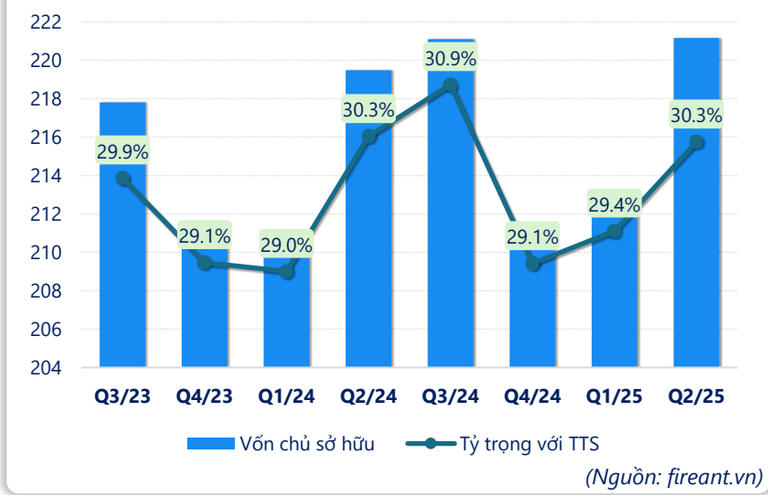
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

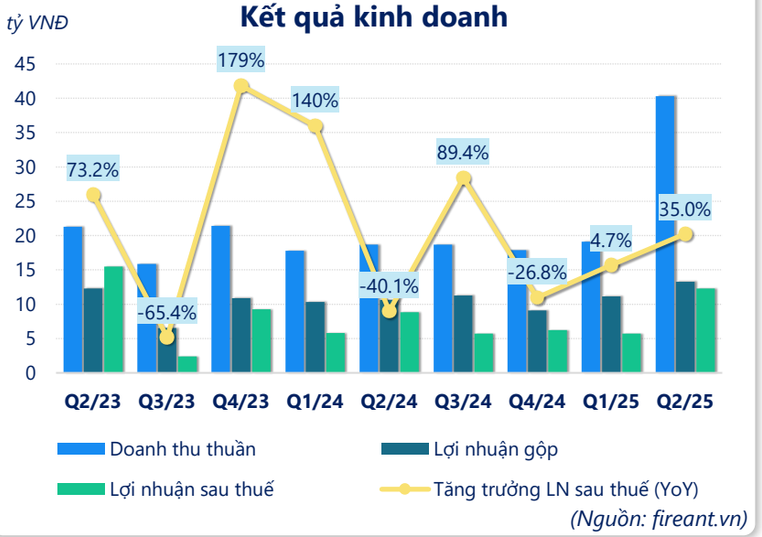


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

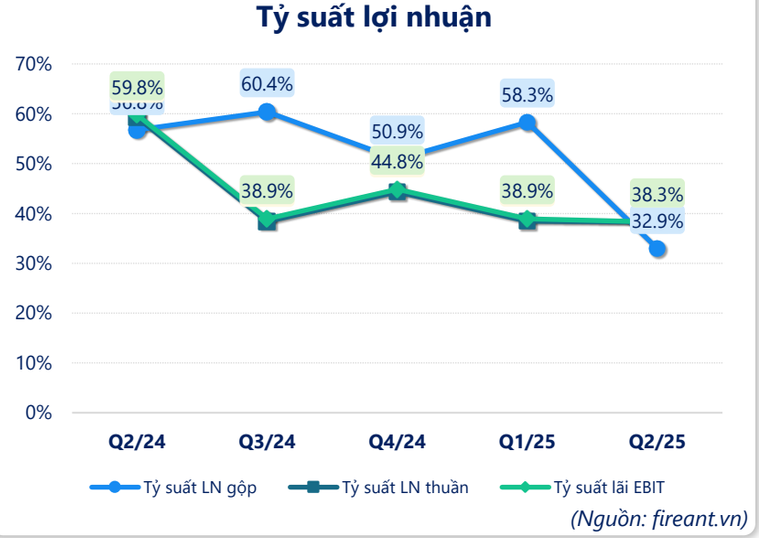
CTCP Thống Nhất (HNX: BAX)

Kết quả kinh doanh



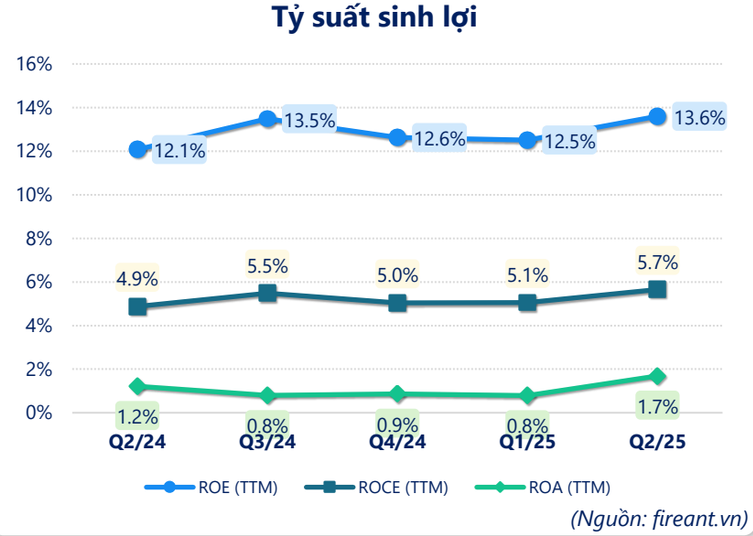
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



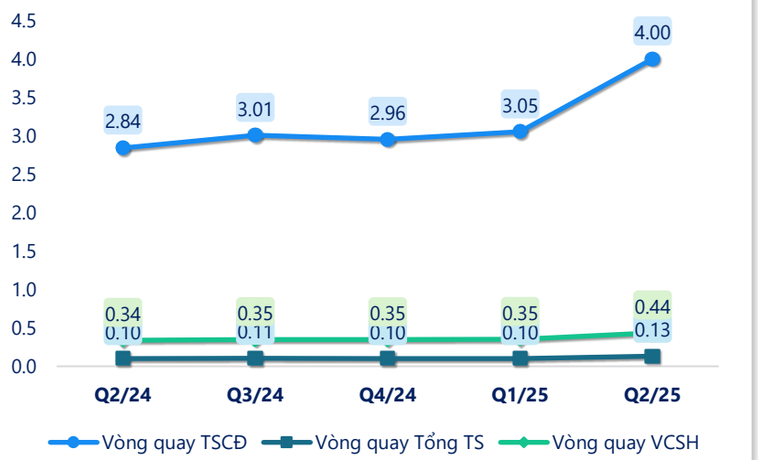
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



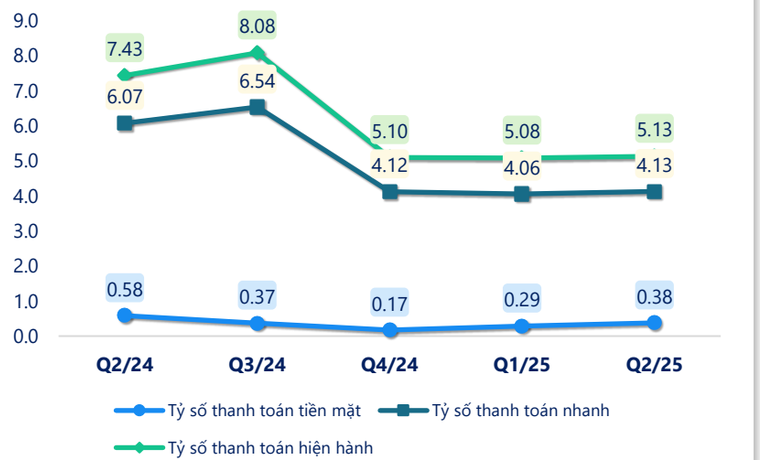
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



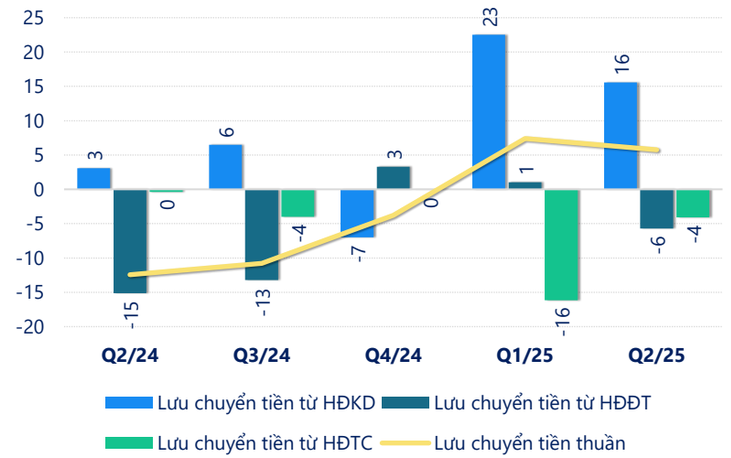
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Thống Nhất (HNX: BAX)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**730**	**724**	**0.8%**
Tài sản ngắn hạn	317	300	5.7%
Tiền và tương đương tiền	23.2	10.1	130%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	221	211	4.6%
Phải thu ngắn hạn	10.5	19.4	-45.6%
Hàng tồn kho	62.2	57.6	8.0%
Tài sản ngắn hạn khác	0	1.67	-100%
Tài sản dài hạn	**413**	**424**	**-2.6%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	23.3	23.8	-2.3%
Bất động sản đầu tư	105	114	-8.2%
Tài sản dở dang	158	158	0.1%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**127**	**128**	**-1.1%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	509	514	-0.9%
Nợ ngắn hạn	**61.8**	**58.9**	**4.9%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	2.82	7.08	-60.2%
Nợ dài hạn	447	455	-1.7%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**221**	**210**	**5.1%**
Vốn chủ sở hữu	**221**	**210**	**5.1%**
Vốn điều lệ	82.0	82.0	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	18.7	18.7	17.9	19.1	40.3
Giá vốn hàng bán	8.07	7.40	8.78	7.97	27.0
Lợi nhuận gộp	10.6	11.3	9.10	11.2	13.3
Doanh thu HĐTC	4.62	0.65	5.33	0.66	5.53
Chi phí TC	0	0	0	0.01	0
Chi phí lãi vay	0	0	0	0.01	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	4.16	4.76	6.51	4.46	3.38
LN thuần từ HĐKD	11.1	7.16	7.92	7.35	15.4
Lợi nhuận khác	0.10	0.10	0.10	0.08	0
LN trước thuế	11.2	7.26	8.02	7.43	15.4
Lợi nhuận sau thuế	8.83	5.72	6.23	5.73	12.3
LNST của CĐ cty mẹ	8.83	5.72	6.23	5.73	12.3

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	3.09	6.46	-7.01	22.5	15.6
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-15.1	-13.2	3.27	1.01	-5.73
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-0.40	-4.01	-0.06	-16.1	-4.10
Tiền đầu kỳ	37.1	24.7	13.9	10.1	17.5
Lưu chuyển tiền thuần	**-12.4**	**-10.8**	**-3.80**	**7.40**	**5.74**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0.00	0	0
Tiền cuối kỳ	24.7	13.9	10.1	17.5	23.2

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic